TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P2

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2018
"V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V,
TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Mỡn.**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Cơ Ba**.

Ông **Nguyễn Văn Pha.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Nghĩa** – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2018/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018 về ***"Tranh chấp hôn nhân gia đình"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh **Nguyễn Thành H** - sinh năm: 1980;

Địa chỉ: ấp Đa H1, xã Phước H2, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh

- *Bị đơn:* chị **Nguyễn Thị Diễm P2** - sinh năm: 1985;

Địa chỉ: ấp Đa H1, xã Phước H2, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh

Tạm trú tại: ấp Trung H4, xã Trung H3, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thành H trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Nguyễn Thị Diễm P2 do quen biết, tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình chấp thuận, tổ chức lễ cưới vào tháng 9/2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước H2, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh vào ngày 11/4/2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ ruột anh H tại ấp Đa H1, xã Phước H2, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh. Đến năm 2011, vợ chồng cất nhà sống riêng trên phần đất của cha mẹ ruột của anh H cho.

Thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ hạnh P2 đến đầu tháng 4 năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị P2 không lo làm ăn thường xuyên kết bạn vui chơi ăn nH1 say sưa, không chăm lo cho con cái. Đến đầu tháng 05/2016 thì chị P2 bỏ nhà đi, không còn sống chung với anh H từ đó đến nay.

Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu ly hôn với vợ là chị Nguyễn Thị Diễm P2.

- Về con chung: có 02 người con chung tên:

+ Nguyễn Thị Tuyết Ng – sinh ngày 03/11/2005.

+ Nguyễn Trung K – sinh ngày 19/07/2011.

Hiện nay đang sống với anh H, sau khi ly hôn anh H yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Tuyết Ng và Trung K, không yêu cầu chị P2 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh H không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

** Tại bản khai ý kiến ngày 06/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm P2 trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P2 và anh Nguyễn Thành H do quen biết, tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình chấp thuận, tổ chức lễ cưới vào tháng 9/2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước H2, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh vào ngày 11/4/2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ ruột của anh H tại ấp Đa H1, xã Phước H2, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh. Đến năm 2011, vợ chồng cất nhà sống riêng trên phần đất của cha mẹ ruột anh H cho.

Năm 2016 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng anh chị thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2016 đến nay.

Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị P2 thì chị P2 đồng ý.

- Về con chung: có 02 người con chung tên:

+ Nguyễn Thị Tuyết Ng – sinh ngày 03/11/2005.

+ Nguyễn Trung K – sinh ngày 19/07/2011.

Hiện hai cháu Tuyết Ng và Trung K đang sống với anh H. Sau khi ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Tuyết Ng và Trung K, chị P2 đồng ý giao hai cháu Tuyết Ng và Trung K cho anh H nuôi dưỡng , chị P2 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị P2 không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: chị P2 không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị P2 không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V có ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

- Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thành H, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Nguyễn Thành H và chị Nguyễn Thị Diễm P2.

- Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thị Tuyết Ng - sinh ngày 03/11/2005 và Nguyễn Trung K – sinh ngày 19/07/2011 cho anh Nguyễn Thành H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu chị P2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: anh Nguyễn Thành H và chị Nguyễn Thị Diễm P2 cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: anh Nguyễn Thành H và chị Nguyễn Thị Diễm P2 cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Nguyễn Thành H phải nộp 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Diễm P2 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến của mình khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm P2 có đơn xin vắng mặt ngày 06/9/2018, theo quy định tại điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xem xét đơn xin vắng mặt của chị P2 và nhận thấy việc vắng mặt chị P2 không gây cản trở cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Hôn nhân giữa anh H và chị P2 là quan hệ hôn nhân hợp pháp do anh chị tự quen biết, tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào tháng 9/2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước H2, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh vào ngày 11/4/2005. Theo lời trình bày của anh H thời gian vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh P2 đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị P2 không lo cuộc sống gia đình mà thường xuyên kết bạn vui chơi ăn nH1 say sưa, không chăm lo cho con cái. Đến đầu tháng 05/2016 thì chị P2 không còn sống chung với anh H đến nay.

Xét tình cảm anh H dành cho chị P2 không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh H yêu cầu ly hôn với chị P2 là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp với Điều 55 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung của vợ chồng: anh H và chị P2 cùng trình bày có hai người con chung tên:

+ Nguyễn Thị Tuyết Ng – sinh ngày 03/11/2005.

+ Nguyễn Trung K – sinh ngày 19/07/2011.

Sau khi ly hôn hai cháu Tuyết Ng và cháu Trung K có nguyện vọng muốn sống với cha, anh H có yêu cầu được nuôi hai cháu Ngọc và cháu Kiên, chị P2 đồng ý giao hai cháu Ngọc và cháu Kiên cho anh H nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận của anh H, chị P2 là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Ngọc và cháu Kiên và phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh H không yêu cầu chị P2 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung của vợ chồng: anh H và chị P2 thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: anh H và chị P2 thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Nguyễn Thành H phải nộp 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Diễm P2 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định và có cở sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 51, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thành H.

- Về mối quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Thành H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Diễm P2.

- Về con chung: anh Nguyễn Thành H và chị Nguyễn Thị Diễm P2 có hai người con chung tên: Nguyễn Thị Tuyết Ng – sinh ngày 03/11/2005 và Nguyễn Trung K – sinh ngày 19/07/2011.

Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết Ng – sinh ngày 03/11/2005 và Nguyễn Trung K – sinh ngày 19/07/2011 anh Nguyễn Thành H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị Nguyễn Thị Diễm P2 không phải cấp dưỡng nuôi dưỡng hai cháu Ngọc và Kiên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: anh Nguyễn Thành H và chị Nguyễn Thị Diễm P2 cùng không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: anh Nguyễn Thành H và chị Nguyễn Thị Diễm P2 cùng không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Thành H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0008698, ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Anh Nguyễn Thành H không phải nộp thêm.

Chị Nguyễn Thị Diễm P2 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét phúc thẩm lại./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện V;*
- *THADS huyện V;*
- *UBND xã Trung Hiệp;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Kim Mỡn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện V;*
- *THADS huyện V;*
- *UBND xã Trung Chánh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Kim Mỡn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện V;*
- *THADS huyện V;*
- *UBND xã Trung Hiệp;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Kim Mỡn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện V;*
- *THADS huyện V;*
- *UBND xã Trung Hiệp*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Văn Bé Tư

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện V;*
- *THADS huyện V;*
- *UBND xã Trung Hiệp*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Văn Bé Tư